

**PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 30. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ của quá trình bóc mòn chủ yếu do

- A. chế độ thủy triều phức tạp, vùng biển rộng, khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.
- B. mức độ chia cắt địa hình lớn, khí hậu nóng ẩm, lớp vỏ phong hóa dày.
- C. vùng núi đá vôi trải rộng, mưa lớn tập trung, lớp phủ thực vật bị tàn phá.
- D. đường bờ biển dài, nhiều đồi núi, sườn dốc, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 2:** Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. sóng biển, thủy triều, sông ngòi và hoạt động kiến tạo.
- B. sóng biển, thủy triều, độ mặn của biển và thềm lục địa.
- C. các vùng núi giáp biển và vận động nâng lên, hạ xuống.
- D. thủy triều, độ mặn nước biển và các dãy núi ra sát biển.

**Câu 3:** Tính chất địa đới của tự nhiên Việt Nam được biểu hiện ở

- A. địa hình nhiều đồi núi, gió đông nam, đất xám trên phù sa cổ.
- B. có các đồng bằng hạ lưu sông, gió phơn và đất phèn, mặn.
- C. nhiệt độ giảm theo độ cao, gió mùa tây nam và đất phù sa
- D. nhiệt độ trung bình năm  $>20^{\circ}\text{C}$ , gió tín phong và đất feralit.

**Câu 4:** Tác động chủ yếu của khối khí nhiệt đới Bắc Ấn Độ Dương đến khí hậu nước ta vào đầu mùa hạ là

- A. làm cho nền nhiệt cao, cân bằng ẩm phân hóa sâu sắc giữa các khu vực.
- B. gây hiệu ứng phơn khô nóng, mưa dông nhiệt cho đồng bằng Nam Bộ.
- C. tạo nên sự phân hóa mưa theo chiều Bắc – Nam, độ ẩm không khí thấp.
- D. mang lại thời tiết khô nóng, hình thành tháng mưa cực đại trên cả nước.

**Câu 5:** Vùng đồi núi phía Bắc nước ta có một mùa ít mưa chủ yếu do tác động của

- A. Tín phong bán cầu Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và vị trí gần chí tuyến.
- B. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông.
- C. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, địa hình các dãy núi cao.
- D. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, bão và áp thấp nhiệt đới.

**Câu 6:** Hàng năm, trong khoảng thời gian tháng IX - XI, Trung Bộ chịu ảnh hưởng liên tiếp của các đợt mưa lũ do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lý, xoáy thuận nhiệt đới, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc, địa hình.
- B. vị trí địa lý, gió hướng đông bắc, gió hướng tây nam, bão, áp thấp nhiệt đới.
- C. hình dạng lãnh thổ, gió Tín phong, gió mùa Tây Nam, bão, áp thấp nhiệt đới.
- D. hình dạng lãnh thổ, địa hình, các loại gió hướng Tây Nam, bão nhiệt đới.

**Câu 7:** Sông ngòi nước ta giàu phù sa là do

- A. địa hình có độ dốc lớn, lớp phủ rừng bị phá hủy, nhiệt độ cao, mưa nhiều quanh năm.
- B. địa hình dốc, lớp vỏ phong hóa dày, mưa nhiều theo mùa, lớp phủ thực vật bị phá hủy.
- C. nhiều đồi núi, lớp phủ rừng bị phá hủy, mưa nhiều tập trung theo mùa, lòng sông rộng.
- D. phong hóa mạnh, chế độ mưa theo mùa, sông chủ yếu ngắn và dốc, thực vật bị phá hủy.

**Câu 8:** Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có nền nhiệt, ẩm cao chủ yếu do tác động của

- A. thời gian chiếu sáng dài, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, bão.
- B. vị trí trong vùng nội chí tuyến, Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, bão.
- C. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, Mặt Trời lên thiên đỉnh, frông.
- D. vị trí ở gần xích đạo, lượng bức xạ lớn, gió hướng tây nam, dải hội tụ.

**Câu 9.** Tác động chủ yếu của việc đẩy mạnh đô thị hóa nông thôn ở nước ta hiện nay

- A. thay đổi bộ mặt đất nước, tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo nhiều việc làm.
- B. phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, lan tỏa lối sống thành thị.
- C. thu hút lực lượng lao động và dân cư, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao thu nhập.
- D. chuyển dịch cơ cấu lao động, thúc đẩy phát triển nhiều ngành nghề, phát triển dịch vụ.

**Câu 10:** Biện pháp giảm thiệt hại do lũ quét gây ra ở nước ta là

- A. quy hoạch dân cư, sử dụng đất đai hợp lý, trồng rừng, thủy lợi.
- B. sử dụng đất đai hợp lý, kết hợp trồng rừng, khai thông dòng chảy.
- C. định canh định cư, sử dụng đất đai hợp lý, trồng rừng, thủy lợi.
- D. chống bạc màu cho đất, kết hợp trồng rừng, đảm bảo thủy lợi.

**Câu 11.** Để giải quyết việc làm bền vững ở nước ta hiện nay, cần chú ý các giải pháp nào sau đây?

- A. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, đào tạo lao động, thu hút đầu tư.
- B. Phát triển nông nghiệp, khuyến khích di dân, xuất khẩu lao động.
- C. Thúc đẩy công nghiệp hóa, đầu tư hạ tầng đô thị, hạn chế di dân.
- D. Giảm tỉ lệ sinh, phân bố lại dân cư, hạn chế di dân, thu hút đầu tư.

**Câu 12:** Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở nông thôn nước ta nhằm

- A. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên và sử dụng tối đa lao động.
- B. hạn chế việc di dân tự do từ vùng đồng bằng lên vùng đồi núi.
- C. chuyển quỹ đất nông nghiệp thành đất thổ cư và chuyên dùng.
- D. hình thành các đô thị, tăng tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân.

**Câu 13:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

- A. tăng hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt tài nguyên.
- B. đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng nguồn thu.
- C. đẩy mạnh sản xuất, áp dụng công nghệ mới.
- D. tạo việc làm, sử dụng hợp lý nguồn lao động.

**Câu 14:** Xu hướng giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp trong ngành trồng trọt chủ yếu để

- A. phát huy những lợi thế về đất đai, nước, khí hậu.
- B. chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.
- C. tạo ra nhiều loại sản phẩm để phục vụ xuất khẩu.
- D. tận dụng các nguồn lao động có chất lượng cao.

**Câu 15:** Những vấn đề chủ yếu cần giải quyết trong ngành chăn nuôi ở nước ta là

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường, đẩy mạnh công tác thú y, thu hút lao động.
- B. đáp ứng nhu cầu thị trường, thay đổi giống vật nuôi và thu hút lao động.
- C. đảm bảo tốt cơ sở thức ăn, đẩy mạnh công tác thú y, đáp ứng thị trường.
- D. thay đổi nhiều giống vật nuôi, thu hút lực lượng lao động và vốn đầu tư.

**Câu 16.** Các đô thị là nơi sản xuất hàng hóa lớn chủ yếu là do

- A. có sức hút đầu tư lớn, lao động có chất lượng, dân cư tập trung đông đúc.
- B. tạo ra động lực cho sự tăng trưởng, giàu tài nguyên thiên nhiên, đông dân.
- C. lực lượng lao động trẻ đông, cơ sở vật chất hiện đại, có sức hút đầu tư lớn.
- D. có sức hút các nhà đầu tư, giao thông phát triển, nguồn khoáng sản nhiều.

**Câu 17.** Công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng hiện nay có tốc độ tăng trưởng nhanh chủ yếu do

- A. khoa học công nghệ hiện đại, thu hút đầu tư, dân số đông, cơ sở hạ tầng hoàn thiện.
- B. trình độ lao động cao, thị trường mở rộng, chính sách ưu tiên, nguyên liệu dồi dào.
- C. chính sách ưu tiên, thị trường mở rộng, thu hút đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại.
- D. vị trí địa lý thuận lợi, thu hút vốn đầu tư lớn, thị trường mở rộng, lao động dồi dào.

**Câu 18:** Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước tự do khu vực này có

- A. các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông và bãi triều.
- B. bờ biển khúc khuỷu, nhiều vùng vịnh, đầm phá, các đảo ven bờ.
- C. các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu, địa hình đa dạng.
- D. bờ biển khúc khuỷu, hệ thống đảo ven bờ dày đặc, cửa sông lớn.

**Câu 19.** Biện pháp nào sau đây là chủ yếu để sản phẩm công nghiệp của nước ta hiện nay đáp ứng tốt yêu cầu thị trường?

- A. Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm.
- B. Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, chú ý sản phẩm chất lượng cao.
- D. Thu hút vốn đầu tư, tập trung phát triển công nghiệp chế biến.

**Câu 20:** Công nghiệp điện ngày càng phát triển do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhiều tiềm năng để phát triển, vốn đầu tư lớn, nhu cầu ngành kinh tế.
- B. Sự phát triển kinh tế, mức sống được nâng cao, có tiềm năng phát triển.
- C. Được sử dụng rộng rãi trong sinh hoạt, vốn đầu tư ngành điện lực lớn.
- D. Nguồn vốn lớn, chất lượng cuộc sống được nâng cao, nhiều sông, suối.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2015	2019	2020	2021
<b>CẢ NƯỚC</b>	<b>7828</b>	<b>7469,9</b>	<b>7278,9</b>	<b>7238,9</b>
Đồng bằng sông Hồng	1110,9	1012,3	983,4	970,3
Trung du và miền núi Bắc Bộ	684,3	669	665,2	662,2
Bắc Trung Bộ và DH Nam Trung Bộ	1220,5	1208,2	1157,7	1198,7
Tây Nguyên	237,5	243,7	246,9	250,2
Đông Nam Bộ	273,3	267,4	262	258,9
Đồng bằng sông Cửu Long	4301,5	4069,3	3963,7	3898,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Năm 2021 diện tích lúa của Đồng Sông Cửu Long lớn nhất, Tây Nguyên nhỏ nhất.
- b) Tỷ trọng diện tích lúa Đồng Bằng Sông Hồng chiếm 13,5% cả nước năm 2021.
- c) Giai đoạn 2015- 2021 tỷ trọng diện tích lúa của Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ đều giảm.
- d) Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện thay đổi cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng của nước ta năm

2015 và 2021 là miền.

**Câu 2:** Cho thông tin sau:

Trang trại nông nghiệp ở nước ta được phân thành hai nhóm:

- Nhóm 1: Trang trại nông nghiệp chuyên ngành được xác định theo lĩnh vực sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp và tỷ trọng giá trị sản xuất của lĩnh vực đó chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản xuất của trang trại trong năm.

- Nhóm 2: Trang trại nông nghiệp tổng hợp là trang trại tổ chức nhiều hoạt động sản xuất chuyên ngành nông nghiệp quy định nêu trên; trong đó không có lĩnh vực sản xuất nào có tỉ trọng giá trị sản xuất chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản xuất trang trại trong năm.

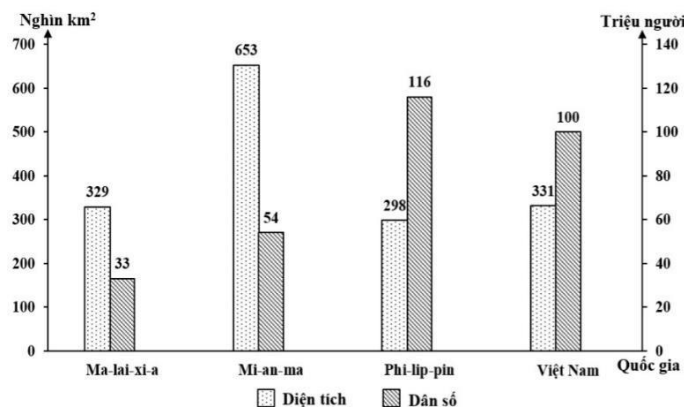
a) Hiện nay, ở nước ta có nhiều loại hình trang trại khác nhau, chiếm tỉ lệ cao nhất là các trang trại chăn nuôi.

b) Phát triển trang trại góp phần phát huy lợi thế, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

c) Các trang trại thủy sản phân bố chủ yếu ở đồng bằng, ven biển do có vị trí địa lí thuận lợi, nhiều sông ngòi và thị trường tiêu thụ lớn.

d) Việc phát triển các trang trại nông nghiệp cho phép phát huy tốt lợi thế của đất nước và là biện pháp chủ yếu để giải quyết việc làm bền vững cho lao động nông thôn.

**Câu 3.** Cho biểu đồ:



**Biểu đồ diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2022**

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb thống kê năm 2023)

a) Ma-lai-xi-a có mật độ dân số cao nhất, Phi-lip-pin có mật độ dân số thấp nhất.

b) Số dân của Phi-lip-pin lớn nhất và nhiều hơn số dân của Mi-an-ma 60 triệu người.

c) Mật độ dân số của Phi-lip-pin cao hơn mật độ dân số của Việt Nam là 87 người/ km<sup>2</sup>.

d) Diện tích và dân số của Việt Nam lớn hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 4.** Cho thông tin:

“Khu chế xuất là khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với khu công nghiệp quy định tại Nghị định này”.

(Nguồn: Nghị định số 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế)

a) Khu chế xuất là một loại hình của khu công nghiệp.

b) Khu chế xuất được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục giống như khu công nghiệp.

c) Khu chế xuất có vai trò quyết định hướng chuyên môn hóa trong sản xuất công nghiệp.

d) Khu công nghệ cao là khu chế xuất tập trung nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ cao.

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là đặc điểm cơ bản và nổi bật nhất của tự nhiên Việt Nam. Đặc điểm này không chỉ thể hiện trong tất cả các thành phần tự nhiên với mức độ khác nhau, mà còn có ảnh hưởng đến các ngành sản xuất và xã hội.

a) Lượng bức xạ lớn, nền nhiệt độ cao, nắng nhiều, phân hóa theo mùa là biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta.

b) Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chính ở nước ta chủ yếu do khí hậu nhiệt đới ẩm gió

mùa và địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế.

c) Gió phơn hoạt động mạnh ở Bắc Trung Bộ chủ yếu do độ cao của dãy Trường Sơn kết hợp với gió Tây Nam từ vịnh Bengan đến.

d) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo ra sự phân hóa lãnh thổ sản xuất của các ngành kinh tế cùng những sản phẩm đặc trưng, là cơ sở để phân vùng kinh tế.

Câu 6. Cho thông tin sau:

"Trong những năm qua, ngành điện nước ta không ngừng đổi mới, tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khách hàng. Xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện lớn để phát điện; đưa công nghệ tuabin khí tiên tiến vào xây dựng, quản lý và vận hành có hiệu quả các nhà máy nhiệt điện."

(Nguồn: <https://www.evn.com.vn>)

a) Công nghiệp sản xuất điện nước ta ngày càng hiện đại hoá, cơ cấu nguồn điện ngày càng đa dạng.  
b) Nguồn nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở phía Bắc chủ yếu từ than còn ở phía Nam chủ yếu từ khí đốt.

c) Trong cơ cấu nguồn điện sản xuất của nước ta hiện nay, nhiệt điện có tỉ trọng thấp nhất; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo có tỉ trọng tăng nhanh để giảm phát thải CO<sub>2</sub>.

d) Sản lượng điện nước ta tăng do có nhiều tiềm năng, nhu cầu tiêu thụ lớn, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại vào sản xuất.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Mực nước một số sông ở nước ta năm 2023

(Đơn vị: cm)

Mực nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Mã (trạm Cẩm Thủy)	2500	58
Sông Cả (trạm Dừa)	4550	70

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Thống kê năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023 sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Cả tại trạm Dừa cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Mã tại trạm Cẩm Thủy là bao nhiêu cm.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình tháng cao nhất và tháng thấp nhất năm 2023 tại trạm quan trắc Nam Định và Cà Mau

(Đơn vị: °C)

Nhiệt độ tháng cao nhất		Nhiệt độ tháng thấp nhất	
Nam Định (tháng 7)	Cà Mau (tháng 4)	Nam Định (tháng 1)	Cà Mau (tháng 1)
30,9	29,6	16,9	26,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Thống kê năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn trạm quan trắc Cà Mau bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 3. Năm 2022, tổng số dân nước ta là 99467,9 nghìn người, trong đó số dân nữ của nước ta là 49881,0 nghìn người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích đất và diện tích đất lâm nghiệp của cả nước và vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2022**

(Đơn vị: nghìn ha)

	Tổng diện tích đất	Diện tích đất lâm nghiệp
Cả nước	33134,5	15468,2
Trung du và miền núi phía Bắc	9518,4	5735,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nhà xuất bản Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng đất lâm nghiệp trong tổng diện tích đất của Trung du và miền núi phía Bắc cao hơn trung bình cả nước là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lạc ở bắc trung bộ năm 2015 và năm 2023**

Năm	2015	2023
Diện tích (nghìn ha)	57,2	35,4
Sản lượng (nghìn tấn)	114,6	89,5

(Nguồn: [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) - Tổng cục Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lạc ở Bắc Trung Bộ năm 2023 tăng bao nhiêu tạ/ha so với năm 2015 (Làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

**Số lượng đàn bò của cả nước, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2018-2022**

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	2018	2019	2020	2022
Cả nước	6 325,2	6 278,0	6 325,5	6 353,1
Trung du và miền núi Bắc Bộ	1 163,4	1 179,6	1 204,6	1 210,9

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2018,

2023) Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết giai đoạn 2018-2022, tốc độ tăng trưởng số lượng đàn bò của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn cả nước bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

=====HẾT=====

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

